

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2015



Hà Nội - Tháng 05 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015	01/01/2015
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		726.192.776.241	644.519.908.096
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.566.403.106	11.452.072.713
1. Tiền	111	5.1	9.566.403.106	11.452.072.713
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	8.882.031.000	8.882.031.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.748.601.005	9.748.601.005
2. DP giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(866.570.005)	(866.570.005)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		553.674.502.214	534.266.179.154
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	286.836.088.238	259.035.877.933
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		129.106.754.421	95.393.587.723
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		39.192.100.000	39.192.100.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	98.539.559.555	140.644.613.498
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	146.342.080.079	87.445.069.914
1. Hàng tồn kho	141		146.342.080.079	87.445.069.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.727.759.842	2.474.555.315
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	571.492.526	119.529.330
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.155.512.973	2.352.340.875
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		754.343	2.685.110
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		481.243.837.032	437.125.637.974
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		684.476.536	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		684.476.536	-
II. Tài sản cố định	220		218.748.415.003	226.065.697.261
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	218.675.081.675	225.987.363.932
- Nguyên giá	222		255.764.679.742	258.249.474.197
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.089.598.067)	(32.262.110.265)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	73.333.328	78.333.329
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(26.666.672)	(21.666.671)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.361.401.174	1.361.401.174
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.361.401.174	1.361.401.174
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	254.755.441.939	203.912.890.759
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		145.255.441.939	116.912.890.759
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		109.500.000.000	87.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.694.102.380	5.785.648.780
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	5.694.102.380	5.785.648.780
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.207.436.613.273	1.081.645.546.070

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 01-DN/HN**

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/3/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		331.480.970.797	215.722.087.610
I. Nợ ngắn hạn	310		331.480.970.797	215.722.087.610
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	255.357.236.964	154.438.469.747
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.286.789.638	7.192.153.352
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	26.964.464.366	18.050.983.779
4. Phải trả người lao động	314		1.487.845.361	829.397.146
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	35.755.556	66.536.635
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	6.546.972.404	4.462.658.762
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	27.801.906.508	30.681.888.189
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		875.955.642.476	865.923.458.460
I. Vốn chủ sở hữu	410		875.955.642.476	865.923.458.460
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	5.14	680.000.000.000	680.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		680.000.000.000	680.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.14	124.379.472.470	115.156.907.337
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		115.156.907.337	27.624.686.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.222.565.133	87.532.221.313
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		71.576.170.006	70.766.551.123
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.207.436.613.273	1.081.645.546.070

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 01-DN/HN

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/3/2015	01/01/2015
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Tài sản nhận giữ hộ		-	-
3. Ngoại tệ các loại USD		-	1.236,41
4. Kim khí quý, đá quý		-	-
5. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2015



Tạ Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền
Người lập biểu

138

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I năm 2015

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	6.1	234.339.131.246	30.090.236.484	234.339.131.246	30.090.236.484
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	37.254.756	-	37.254.756
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		234.339.131.246	30.052.981.728	234.339.131.246	30.052.981.728
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	230.791.638.782	21.514.800.146	230.791.638.782	21.514.800.146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20		3.547.492.464	8.538.181.582	3.547.492.464	8.538.181.582
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.292.805.422	8.636.303.160	6.292.805.422	8.636.303.160
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	447.748.178	237.568.292	447.748.178	237.568.292
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		114.813.448	-	114.813.448	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		387.929.016	(2.991.778.602)	387.929.016	(2.991.778.602)
9. Chi phí bán hàng	25	6.7	914.578.521	619.883.521	914.578.521	619.883.521
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	2.981.045.677	1.938.572.923	2.981.045.677	1.938.572.923
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.884.854.526	11.386.681.404	5.884.854.526	11.386.681.404
12. Thu nhập khác	31	6.5	11.846.458.328	978.194.000	11.846.458.328	978.194.000
13. Chi phí khác	32	6.6	4.726.093.760	1.154.934.960	4.726.093.760	1.154.934.960
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		7.120.364.568	(176.740.960)	7.120.364.568	(176.740.960)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.005.219.094	11.209.940.444	13.005.219.094	11.209.940.444
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.873.035.078	3.081.538.518	2.873.035.078	3.081.538.518
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.132.184.016	8.128.401.926	10.132.184.016	8.128.401.926
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		9.322.565.133	8.109.295.506	9.322.565.133	8.109.295.506
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		809.618.883	19.106.420	809.618.883	19.106.420
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	149,00	119,54	149,00	119,54

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2015



Tạ Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

MẪU B 03-DN/HN

Quý I năm 2015

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.005.219.094	11.209.940.444
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.375.043.986	4.668.701.887
- Các khoản dự phòng	03	-	(182.046.235)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.292.805.422)	(1.325.860.108)
- Chi phí lãi vay	06	416.767.796	62.959.012
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	12.504.225.454	14.433.695.000
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(86.438.432.962)	(3.619.136.665)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(58.897.010.165)	2.484.397.611
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	115.796.610.869	1.449.404.934
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(903.926.392)	261.041.712
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	22.874.043.276
- Tiền lãi vay đã trả	14	(381.012.240)	(62.959.012)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(6.414.308.610)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.237.126.360
Lưu chuyển tiền thuần từ H động kinh doanh	20	(18.319.545.436)	34.643.304.606
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.901.351.681)	(4.970.018.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	48.988.291
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(55.449.826.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	51.200.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.209.191	1.325.860.108
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.313.857.510	(59.044.995.783)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	22.488.784.238	2.545.350.743
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.368.765.919)	(1.642.218.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.879.981.681)	903.132.456
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(1.885.669.607)	(23.498.558.721)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.452.072.713	26.588.258.309
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9.566.403.106	3.089.699.588

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2015



Tạ Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

MẪU B 09-DN/HN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được đổi tên từ “Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt” thành “Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất”, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi đến lần thứ 8 số 0105334948 vào ngày 20 tháng 10 năm 2014.

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất

Ngành, nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa...

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tháp CEO, HH2-1 Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình Tri Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và ký quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

31/03/2015
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Đình Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

13. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>31/3/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt	3.100.838.190	5.709.015.545
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.465.564.916	5.743.057.168
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>9.566.403.106</u>	<u>11.452.072.713</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	31/3/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	9.748.601.005	8.882.031.000	866.570.005	9.748.601.005	8.882.031.000	866.570.005
Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu (VFR)	5.362.031.000	5.362.031.000	-	5.362.031.000	5.362.031.000	-
Công ty CP phân bón Miền Nam (SFG)	4.386.570.005	3.520.000.000	866.570.005	4.386.570.005	3.520.000.000	866.570.005
Tổng giá trị trái phiếu	-	-	-	-	-	-
Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu:	-	-	-	-	-	-
+ Về số lượng	-	-	-	-	-	-
+ Về giá trị	-	-	-	-	-	-
Cộng	9.748.601.005	8.882.031.000	866.570.005	9.748.601.005	8.882.031.000	866.570.005

2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/3/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/3/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	145.255.441.939	145.255.441.939	-	116.912.890.759	116.912.890.759	-
Công ty CP Granite Phú Yên	74.465.866.562	74.465.866.562	-	75.355.244.410	75.355.244.410	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	70.789.575.377	70.789.575.377	-	41.557.646.349	41.557.646.349	-
Đầu tư vào đơn vị khác	109.500.000.000	109.500.000.000	-	87.000.000.000	87.000.000.000	-
Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	79.500.000.000	-	87.000.000.000	87.000.000.000	-
Công ty CP đầu tư và khoáng sản Hợp Thành	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-
Cộng	254.755.441.939	254.755.441.939	-	87.000.000.000	87.000.000.000	-

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Số 52, Phạm Văn Đồng, Thị trấn Núi Thành, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	90,00%	90,00%
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Thống Nhất Miền Trung	Thôn 1, xã Tam Lộc, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam	52,46%	52,46%
Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất	Thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	95,00%	95,00%
Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất	Cụm công nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	100,00%	65,00%
Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất	Cụm công nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần xây dựng Hạ tầng Thống Nhất	Số 38, đường 18, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội	51,00%	51,00%
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Thống Nhất Tây Nguyên	Cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp Thuận An, xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	100,00%	65,00%

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Công ty CP Granite Phú Yên	Sông Cầu - Phú Yên	44,00%	44,00%
Công ty CP Thực Phẩm Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng	35,00%	35,00%

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
Công ty TNHH Thống Nhất	Quảng Trị	15,20%	15,20%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

3. Phải thu của khách hàng

	<u>31/3/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	286.836.088.238	259.035.877.933
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	<u>286.836.088.238</u>	<u>259.035.877.933</u>

4. Phải thu khác

	<u>31/3/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	98.539.559.555	140.644.613.498
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
PT về tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.004.894.107	2.004.894.107
Phải thu tiền bán cổ phần	70.130.000.000	106.900.000.000
Ký cược, ký quỹ	215.830.000	816.481.090
Tạm ứng	20.299.160.562	30.139.313.415
Phải thu khác	5.889.674.886	783.924.886
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>98.539.559.555</u>	<u>140.644.613.498</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>31/3/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	21.878.937.920	-	19.289.338.033	-
Công cụ, dụng cụ	739.491.227	-	692.506.629	-
Chi phí SX, KD dở dang	37.714.946.648	-	37.458.876.867	-
Thành phẩm	12.769.694.838	-	26.222.937.239	-
Hàng hóa	73.239.009.446	-	3.781.411.146	-
Cộng	<u>146.342.080.079</u>	-	<u>87.445.069.914</u>	-

6. Chi phí trả trước

	<u>31/3/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	571.492.526	119.529.330
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	521.492.526	91.502.043
Chi phí đi vay	-	-
Các khoản khác	50.000.000	28.027.287
Dài hạn	5.694.102.380	5.785.648.780
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.636.351.604	2.722.314.436
Tiền thuê đất	3.057.750.776	2.674.153.420
Các khoản khác	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	95.643.508.532	155.370.988.270	3.491.129.555	543.580.728	3.200.267.112	258.249.474.197
Tăng trong kỳ	-	1.901.351.681	-	-	-	1.901.351.681
Giảm trong kỳ	4.000.000.000	-	386.146.136	-	-	4.386.146.136
Số cuối kỳ	91.643.508.532	157.272.339.951	3.104.983.419	543.580.728	3.200.267.112	255.764.679.742
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	8.357.208.140	21.728.818.672	1.099.062.355	166.031.882	910.989.216	32.262.110.265
Tăng trong kỳ	2.709.605.039	2.382.621.549	105.787.885	25.197.977	151.831.536	5.375.043.986
Khấu hao trong kỳ	2.709.605.039	2.382.621.549	105.787.885	25.197.977	151.831.536	5.375.043.986
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	444.444.444	-	103.111.740	-	-	547.556.184
Số cuối kỳ	10.622.368.735	24.111.440.221	1.101.738.500	191.229.859	1.062.820.752	37.089.598.067
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	87.286.300.392	133.642.169.598	2.392.067.200	377.548.846	2.289.277.896	225.987.363.932
Số cuối kỳ	81.021.139.797	133.160.899.730	2.003.244.919	352.350.869	2.137.446.360	218.675.081.675

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	-	100.000.000	100.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	100.000.000	100.000.000
Giá trị mòn lũy kế			
Số đầu kỳ	-	21.666.671	21.666.671
Tăng trong kỳ	-	5.000.001	5.000.001
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	5.000.001	5.000.001
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	26.666.672	26.666.672
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	78.333.329	78.333.329
Số cuối kỳ	-	73.333.328	73.333.328

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

9. Vay và nợ thuê tài chính

9.1 Vay ngắn hạn và dài hạn

	01/01/2015		Trong kỳ		31/3/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	30.681.888.189	30.681.888.189	22.458.784.238	25.338.765.919	27.801.906.508	27.801.906.508
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	30.681.888.189	30.681.888.189	22.458.784.238	25.338.765.919	27.801.906.508	27.801.906.508

9.2 Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Vay ngắn hạn từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-	-	-
Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-	-	-

9.3 Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/3/2015		01/01/2015	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính	-	-	-	-
Lý do chưa thanh toán	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

10. Phải trả người bán

	<u>31/3/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	255.357.236.964	154.438.469.747
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-
Cộng	<u>255.357.236.964</u>	<u>154.438.469.747</u>
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
	-	-

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/3/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Thuế giá trị gia tăng	7.339.551.718	1.288.906.023
Thuế xuất, nhập khẩu	18.694.210	24.787.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.399.411.473	16.526.376.395
Thuế thu nhập cá nhân	75.221.236	79.328.034
Các k. phí, lệ phí và các k. p.nộp khác	131.585.729	131.585.729
Cộng	<u>26.964.464.366</u>	<u>18.050.983.779</u>

12. Chi phí phải trả

	<u>31/3/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	<u>35.755.556</u>	<u>66.536.635</u>
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
Chi phí đi vay	35.755.556	-
Các khoản khác	-	66.536.635
Dài hạn	-	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí mua bảo hiểm	-	-
Các khoản khác	-	-
Cộng	<u>35.755.556</u>	<u>66.536.635</u>

13. Phải trả khác

	<u>31/3/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngắn hạn	<u>6.546.972.404</u>	-
Kinh phí công đoàn	22.989.625	67.580.584
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	264.645.546	162.887.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.259.337.233	4.232.191.067
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>6.546.972.404</u>	<u>4.462.658.762</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

14. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	680.000.000.000	27.624.686.024	707.624.686.024
Tăng trong năm	-	87.532.221.313	87.532.221.313
Tăng vốn trong năm	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	86.456.120.446	86.456.120.446
Tăng khác do hợp nhất	-	1.076.100.867	1.076.100.867
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư đầu năm nay	680.000.000.000	115.156.907.337	795.156.907.337
Tăng trong kỳ	-	9.322.565.133	9.322.565.133
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	9.322.565.133	9.322.565.133
Giảm trong kỳ	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số cuối kỳ	680.000.000.000	124.379.472.470	804.379.472.470

Cổ phiếu

	31/3/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.000.000	68.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.000.000	68.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.000.000	68.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Tổng doanh thu	234.339.131.246	30.090.236.484	234.339.131.246	30.090.236.484
Doanh thu bán hàng	232.147.737.187	27.998.970.404	232.147.737.187	27.998.970.404
Doanh thu cung cấp dịch vụ	97.267.695	2.091.266.080	97.267.695	2.091.266.080
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.094.126.364	-	2.094.126.364	-
Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng bán	228.966.626.512	20.827.131.978	228.966.626.512	20.827.131.978
Giá vốn dịch vụ	91.330.495	687.668.168	91.330.495	687.668.168
Giá vốn xây dựng	1.733.681.775	-	1.733.681.775	-
Cộng	230.791.638.782	21.514.800.146	230.791.638.782	21.514.800.146

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.209.191	1.325.860.108	15.209.191	1.325.860.108
Lãi bán các khoản đầu tư	6.250.000.000	7.310.443.052	6.250.000.000	7.310.443.052
Lãi chênh lệch tỷ giá	27.596.231	-	27.596.231	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	-	-
Cộng	6.292.805.422	8.636.303.160	6.292.805.422	8.636.303.160

4. Chi phí tài chính

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền vay	416.767.796	62.959.012	416.767.796	62.959.012
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	233.156.491	-	233.156.491
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.980.382	-	30.980.382	-
Chi phí tài chính khác	-	123.499.024	-	123.499.024
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	(182.046.235)	-	(182.046.235)
Cộng	447.748.178	237.568.292	447.748.178	237.568.292

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

5. Thu nhập khác

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	10.186.363.636	-	10.186.363.636	-
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Tiền phạt thu được	-	-	-	-
Thuế được giảm	-	-	-	-
Thu nhập từ cho thuê tài sản	1.650.000.000	978.194.000	1.650.000.000	978.194.000
Các khoản khác	10.094.692	-	10.094.692	-
Cộng	11.846.458.328	978.194.000	11.846.458.328	978.194.000

6. Chi phí khác

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.838.589.952	-	3.838.589.952	-
Lỗ do đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Các khoản bị phạt	-	-	-	-
Các khoản khác	887.503.808	1.154.934.960	887.503.808	1.154.934.960
Cộng	4.726.093.760	1.154.934.960	4.726.093.760	1.154.934.960

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.981.045.677	1.938.572.923	2.981.045.677	1.938.572.923
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	914.578.521	619.883.521	914.578.521	619.883.521
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-
Cộng	3.895.624.198	2.558.456.444	3.895.624.198	2.558.456.444

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.487.976.544	10.027.518.912	17.487.976.544	10.027.518.912
Chi phí nhân công	4.325.031.190	2.008.552.054	4.325.031.190	2.008.552.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.377.140.368	5.375.043.986	5.377.140.368	5.375.043.986
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.167.823.022	1.918.962.174	3.167.823.022	1.918.962.174
Chi phí khác bằng tiền	131.099.742	100.428.799	131.099.742	100.428.799
Cộng	30.489.070.866	19.430.505.925	30.489.070.866	19.430.505.925

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

48
Y
XU
AT
T.P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.873.035.078	3.081.538.518	2.873.035.078	3.081.538.518
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.873.035.078	3.081.538.518	2.873.035.078	3.081.538.518

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế	10.132.184.016	8.128.401.926	10.132.184.016	8.128.401.926
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.132.184.016	8.128.401.926	10.132.184.016	8.128.401.926
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	68.000.000	68.000.000	68.000.000	68.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	149,00	119,54	149,00	119,54

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin các bên liên quan****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan trong kỳ tài chính với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Thống Nhất Miền Trung	Công ty con
Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất	Công ty con
Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất	Công ty con
Công ty cổ phần Hạ tầng Thống Nhất	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất	Công ty con
Công ty CP Vật tư NN TN Tây Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Hoạt động bán hàng (bao gồm bán hàng hóa: đồ gia dụng, nông, lâm sản nguyên liệu, phân bón và sản phẩm nông hóa) và hoạt động xây dựng. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 2 bộ phận kinh doanh này

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Cộng
Số cuối quý				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	271.414.087.113	15.422.001.125		286.836.088.238
Các khoản đầu tư TC ngắn hạn			8.882.031.000	8.882.031.000
Các khoản đầu tư TC dài hạn			254.755.441.939	254.755.441.939
Tài sản không phân bổ			656.963.052.096	656.963.052.096
Tổng tài sản	271.414.087.113	15.422.001.125	920.600.525.035	1.207.436.613.273
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	247.755.811.138	7.601.425.826		255.357.236.964
Nợ phải trả không phân bổ			76.123.733.833	76.123.733.833
Tổng nợ phải trả	247.755.811.138	7.601.425.826	76.123.733.833	331.480.970.797
Số đầu năm				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	209.114.919.016	49.920.958.917		259.035.877.933
Các khoản đầu tư TC ngắn hạn			8.882.031.000	8.882.031.000
Các khoản đầu tư TC dài hạn			203.912.890.759	203.912.890.759
Tài sản không phân bổ			609.814.746.378	609.814.746.378
Tổng tài sản	209.114.919.016	49.920.958.917	822.609.668.137	1.081.645.546.070
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	135.039.300.228	19.399.169.519		154.438.469.747
Nợ phải trả không phân bổ			61.283.617.863	61.283.617.863
Tổng nợ phải trả	135.039.300.228	19.399.169.519	61.283.617.863	215.722.087.610

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Cộng
Doanh thu bộ phận	232.245.004.882	2.094.126.364		234.339.131.246
Giảm trừ				
Doanh thu thuần	232.245.004.882	2.094.126.364		234.339.131.246
Chi phí bộ phận	(229.057.957.007)	(1.733.681.775)	(3.507.695.182)	(234.299.333.964)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	3.187.047.875	360.444.589	(3.507.695.182)	39.797.282
Doanh thu tài chính			6.292.805.422	6.292.805.422
Chi phí tài chính			(447.748.178)	(447.748.178)
Thu nhập khác			11.846.458.328	11.846.458.328
Chi phí khác			(4.726.093.760)	(4.726.093.760)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.187.047.875	360.444.589	9.457.726.630	13.005.219.094
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.873.035.078)	(2.873.035.078)
Lợi nhuận sau thuế	3.187.047.875	360.444.589	6.584.691.552	10.132.184.016

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.566.403.106	11.452.072.713
Đầu tư ngắn hạn	8.882.031.000	8.882.031.000
Phải thu khách hàng	286.836.088.238	259.035.877.933
Các khoản phải thu khác	98.539.559.555	140.644.613.498
Cộng	403.824.081.899	420.014.595.144
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	27.801.906.508	30.681.888.189
Phải trả người bán	255.357.236.964	154.438.469.747
Cộng	283.159.143.472	185.120.357.936

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do hoạt động kinh doanh đồ gia dụng, các hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản ở trong nước (Khu vực phía Bắc) được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá của cổ phiếu

Rủi ro về giá của cổ phiếu là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các cổ phiếu sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành, nghề kinh doanh, công ty đầu tư,.. Theo tình hình thị trường hiện nay, Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn, các khoản cho vay ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng,..).

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay chủ yếu được chia làm 3 hoạt động chính: lĩnh vực thương mại (mua bán đồ gia dụng): chủ yếu thu tiền ngay; hoạt động xây dựng và khai thác khoáng sản: Công ty thực hiện giao thầu thi công, khai khác cho đơn vị bên ngoài do đó công nợ phải thu khách hàng tương ứng với công nợ phải trả nhà thầu, đơn vị khai thác bên ngoài, điều kiện thanh toán theo tiến độ công việc hoàn thành. Công ty tin tưởng rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu đối với khoản phải thu khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

Công ty cho các cá nhân vay, mượn tiền trong vòng 1 năm với lãi suất 10,5%/năm. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	27.801.906.508	-	-	27.801.906.508
Phải trả người bán	255.357.236.964	-	-	255.357.236.964
Cộng	283.159.143.472	-	-	283.159.143.472
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	9.566.403.106	-	-	9.566.403.106
Đầu tư ngắn hạn	8.882.031.000	-	-	8.882.031.000
Phải thu khách hàng	286.836.088.238	-	-	286.836.088.238
Các khoản phải thu khác	98.539.559.555	-	-	98.539.559.555
Cộng	403.824.081.899	-	-	403.824.081.899
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối kỳ	120.664.938.427	-	-	120.664.938.427
Số đầu kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	30.681.888.189	-	-	30.681.888.189
Phải trả người bán	154.438.469.747	-	-	154.438.469.747
Cộng	185.120.357.936	-	-	185.120.357.936
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản TĐ tiền	11.452.072.713	-	-	11.452.072.713

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Đầu tư ngắn hạn	8.882.031.000	-	-	8.882.031.000
Phải thu khách hàng	259.035.877.933	-	-	259.035.877.933
Các khoản phải thu khác	140.644.613.498	-	-	140.644.613.498
Cộng	420.014.595.144	-	-	420.014.595.144
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu kỳ	234.894.237.208	-	-	234.894.237.208

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2015



TẠ VĂN QUYỀN
Tổng Giám đốc

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THU HUYỀN
Người lập biểu